

Khoái Châu, ngày 29 tháng 01 năm 2021

Số: 17A/2021/QĐST-HNGĐ

**QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN
THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐỒNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ dân sự sơ thẩm thụ lý số 323/2020/TLST - HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2020, giữa:

*** Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị A, sinh năm: 1995**

Quê quán: xã R, huyện S, tỉnh Thanh Hóa

HKTT, trú tại: thôn P, xã T, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

*** Bị đơn: Anh Lê Văn B, sinh năm: 1993**

HKTT, trú tại: thôn P, xã T, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Cháu Lê Ngọc C, sinh ngày 12/10/2012

- Cháu Lê Hoàng D, sinh ngày 11/7/2014

Người giám hộ cho cháu C và cháu D: Chị A và anh B (bố, mẹ đẻ các cháu).

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào các điều 51; 55; 57; 81; 82; 83; 84 - Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 144; Điều 146; Điều 147 - Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành lập ngày 21/01/2021.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đồng sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21/01/2021 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đồng sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị A và anh Lê Văn B.

2. Công nhận sự thoả thuận giữa các đồng sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị A và anh Lê Văn B cùng nhất trí thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung:

Giao cháu Lê Ngọc C, sinh ngày 12/10/2012 và cháu Lê Hoàng D, sinh ngày 11/7/2014 cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi các cháu trưởng thành

đủ 18 tuổi. Việc cấp dưỡng nuôi con chung, hai bên không yêu cầu Tòa án đặt ra xem xét, giải quyết.

Sau khi ly hôn, chị A được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở; quyền được thay đổi người trực tiếp nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

2.3. Về tài sản chung, công nợ chung, đất ruộng nông nghiệp, công sức đóng góp đối với hai bên gia đình: Chị A và anh B không yêu cầu Tòa án đặt ra xem xét, giải quyết.

2.4. Về án phí: Chị A tự nguyện nộp toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng). Đối trừ số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị A đã nộp theo Biên lai số: AA/0002499 ngày 25/12/2020, chị A được hoàn trả 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Khoái Châu.

3/ Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi đ- ọc ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận :

- Các đ- ơng sự;
- TAND tỉnh H- ng Yên;
- VKSND huyện KC;
- THA huyện KC;
- UBND xã Tứ Dân;
- L- u HSVA.

ĐÀO DUY TRĨNH